

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

sinh ngày 14/8/2015 và cháu Trần Kim S, sinh ngày 29/11/2022 hiện các con đang sống với bà M. Nay về con chung bà M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại đơn không yêu cầu hoà giải và yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà M lập ngày 24/10/2024 thì bà M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với bị đơn ông Trần Phước T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Phước T. Về con chung giao cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Kim C, sinh ngày 14/8/2025 và cháu Trần Kim S, sinh ngày 29/11/2022 cho đến khi hai cháu C và S đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Tại đơn không yêu cầu hoà giải và yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà M lập ngày 24/10/2024 thì bà M xin thay đổi lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng của bà M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, vì vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của bà M.

[1] *Về hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Phước T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2017 theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng sống thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau, nay bà M yêu cầu xin ly hôn với ông T.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà M không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và sống không hạnh phúc. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông T và bà M đã có với nhau 02 con chung là cháu Trần Kim C, sinh ngày 14/8/2015 và cháu Trần Kim S, sinh ngày 29/11/2022 hiện các con chung đang sống với bà M. Nay về con chung chung bà M yêu cầu nuôi hai con chung.

Xét thấy hiện nay hai cháu C và cháu S đang sống với bà M, nguyện vọng của cháu C là có nguyện vọng xin được sống với mẹ, đối với cháu S hiện còn nhỏ dưới 03 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy cần tiếp tục để bà M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Phước T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Kim C, sinh ngày 14/8/2015 và cháu Trần Kim S, sinh ngày 29/11/2022 cho đến khi cháu C và cháu S đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông T không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0004702, ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Phòng GĐKT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

